

Số: 17/2025/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 668/TTr-VP ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận và quyết định những nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và những vấn đề quan trọng khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn thứ nhất khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người đứng đầu Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, có trách nhiệm giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi, trách nhiệm được quy định tại Điều 17 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và những vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành các công việc quan trọng, có tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh.”

b) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Trong trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ký thừa ủy quyền một số văn bản mà mình phải ký. Việc giao ký thừa ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định thời gian và nội dung được ủy quyền”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Mỗi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công phụ trách một số ngành, lĩnh vực; chỉ đạo, theo dõi hoạt động của một số đơn vị hành chính các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về các quyết định của mình; đồng thời cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện các nội dung được phân công, nếu phát sinh những vấn đề lớn, nhạy cảm phải kịp thời báo cáo Chủ tịch.”

4. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trong số các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đi vắng; báo cáo kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết những việc được phân công.”

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công thực hiện các công việc cụ thể theo ngành, lĩnh vực, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công việc thuộc ngành, lĩnh vực được phân công.”

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Giúp Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nắm tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh và của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện về hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh và quốc phòng tại địa phương; tổng hợp tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tại các cuộc họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc phân công các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, báo cáo những vấn đề về chủ trương, chính sách và cơ chế quản lý.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, văn bản, ý kiến chỉ đạo, giao việc của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chuyển văn bản của các cơ quan, tổ chức gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mang tính thông tin hoặc phúc đáp văn bản của Ủy ban nhân dân về lấy ý kiến, cung cấp thông tin chuyên môn đến các cơ quan, đơn vị có liên quan hoặc cơ quan chủ trì tham mưu để biết, tổng hợp thông tin; kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện.”

7. Sửa đổi tên Điều 10 như sau: “Quan hệ công tác giữa Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh với nhau và giữa Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh với các cơ quan của Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại tỉnh”.

8. Bổ sung Điều 23a vào sau Điều 23 như sau:

“Điều 23a. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương các phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phải sắp xếp tham dự đúng thành phần, thời gian các phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc; trường hợp không tham dự hoặc cử người dự thay thì phải báo cáo và được người chủ trì đồng ý.

2. Đại biểu tham dự có trách nhiệm sử dụng tài liệu theo đúng mục đích phục vụ phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc.

3. Các phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc có nội dung bí mật nhà nước phải bảo đảm các yêu cầu về nội dung, thành phần, địa điểm, phương tiện, thiết bị và các quy định có liên quan khác của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Người tham dự có trách nhiệm bảo vệ và sử dụng bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và yêu cầu của người chủ trì.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phiên họp, hội nghị, cuộc họp, làm việc không được đưa tin, truyền thông về các nội dung đang trong quá trình trao đổi, thảo luận, trừ trường hợp được sự cho phép hoặc thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người chủ trì.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 24 như sau:

“6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các tổ chức tư vấn, Hội đồng, Ban chỉ đạo, tổ công tác để tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng hoặc vấn đề liên quan đến nhiều ngành, nhiều đơn vị hành chính cấp huyện.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 25 như sau:

“a) Các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân chỉ trình, đề nghị, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những công việc đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tờ trình phải nêu rõ nội dung vấn đề trình, cơ sở pháp lý, thẩm quyền giải quyết vấn đề trình; việc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, trường hợp không tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, địa phương thì phải nêu rõ lý do trong hồ sơ trình (nếu có) và đề xuất, kiến nghị rõ phương án giải quyết; kèm theo hồ sơ tài liệu liên quan (nếu có). Trường hợp nội dung trình không có cơ sở pháp lý nhưng xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn thì phải nêu rõ lý do, sự cần thiết của vấn đề trình.”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Thẩm tra về mặt thủ tục: Nếu hồ sơ trình không đúng quy định, không gửi bản mềm dự thảo văn bản, thì trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Thẩm tra về nội dung và tính thống nhất, hợp pháp của văn bản: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến thẩm tra độc lập về nội dung, tính thống nhất, hợp pháp của văn bản; trường hợp dự thảo văn bản có nhiều nội dung

không đúng quy định, không phù hợp thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do. Đối với những vấn đề chưa thống nhất được với cơ quan soạn thảo, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức họp hoặc có văn bản trao đổi với cơ quan soạn thảo văn bản và các cơ quan có liên quan để đi đến thống nhất. Trường hợp vẫn chưa thống nhất, được bảo lưu ý kiến và trình bày rõ trong phiếu trình, trình Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.”.

c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Trường hợp cần làm rõ nội dung liên quan đến hồ sơ trình của các cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc chuẩn bị nội dung làm việc của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì chuyên viên nghiên cứu của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh liên hệ với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương để trao đổi làm rõ nội dung liên quan đến hồ sơ trình hoặc chuẩn bị các nội dung làm việc của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

12. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 27 như sau:

“6. Trường hợp gửi phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo xác định những nội dung cần xin ý kiến; gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo toàn bộ hồ sơ, trừ hồ sơ mật. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh phải có ý kiến chậm nhất không quá 05 ngày làm việc. Trường hợp khác theo chỉ đạo của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực;

b) Trường hợp đa số thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua và không có ý kiến khác nhau, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo, trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực xem xét, quyết định;

c) Trường hợp đa số thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua nhưng vẫn còn thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến khác, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển ngay các ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đến cơ quan chủ trì soạn thảo để tiếp thu, giải trình, hoàn thiện, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất sau 05 ngày làm việc.

Trường hợp cơ quan chủ trì trình có ý kiến bảo lưu, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc lấy lại hay không lấy lại ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tổ chức họp với thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh còn có ý kiến khác nhau;

d) Trường hợp chưa được đa số thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển các ý kiến thành viên Ủy ban

nhân dân tỉnh đến cơ quan chủ trì soạn thảo để tiếp tục xử lý, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 28 như sau:

“5. Tờ trình trình giải quyết công việc phải là bản chính nếu là văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và chỉ gửi một bản đến một địa chỉ có thẩm quyền xử lý, phần kính gửi của văn bản phải ghi đúng thẩm quyền giải quyết là của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Nếu cần gửi đến các cơ quan có liên quan để báo cáo hoặc phối hợp thì chỉ ghi tên cơ quan đó ở phần nơi nhận văn bản. Trường hợp vấn đề trình phải thông qua cơ quan phụ trách ngành, lĩnh vực để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền thì cơ quan trình gửi hồ sơ trình đến cơ quan phụ trách ngành, lĩnh vực để thẩm định, không gửi trực tiếp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan phụ trách ngành, lĩnh vực khi nhận được hồ sơ của các cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo lĩnh vực phụ trách phải tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi tên khoản 1 Điều 29 như sau:

“1. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết công việc gồm có:”.

b) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 29 như sau:

“3. Đối với dự thảo văn bản đưa ra thảo luận và biểu quyết tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, ngay sau khi kết thúc phiên họp, căn cứ kết luận của Chủ trì phiên họp, cơ quan soạn thảo chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan tiếp thu, giải trình ý kiến các đại biểu dự họp, hoàn thiện dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 như sau:

“4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài việc ký các văn bản thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, được ký thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản sau:

a) Văn bản góp ý dự thảo các văn bản do bộ, ngành Trung ương gửi Ủy ban nhân dân tỉnh góp ý trong trường hợp thống nhất với nội dung dự thảo văn bản.

b) Văn bản chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các nội dung đã được Chủ tịch hoặc các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực đồng ý về nội dung.



c) Giấy mời họp, thông báo lịch làm việc 15 ngày của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Các văn bản khác theo quy định hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.”.

Điều 2. Thay thế cụm từ của một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND

1. Thay thế cụm từ “Tỉnh ủy” bằng cụm từ “Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh” tại khoản 2 Điều 2.

2. Thay thế cụm từ “Ủy quyền” bằng cụm từ “Phân công” tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 4.

3. Thay thế cụm từ “ủy quyền, ủy nhiệm” bằng cụm từ “phân công” và thay thế cụm từ “nội dung ủy quyền” bằng cụm từ “nội dung phân công” tại khoản 3 Điều 4.

4. Thay thế cụm từ “Các tờ trình, công văn” bằng cụm từ “Tờ trình” tại khoản 2 Điều 28.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành quy chế làm việc cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp với Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

3. Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 6 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 không còn tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện thì Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm thi



hành Quyết định này đối với những nội dung quy định liên quan đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Trường hợp văn bản được viện dẫn trong Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. *nee*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LDVP, CVNC;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh (2b). bntam.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân

